



Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT CLC trong nước Khoa đã tham khảo để xây dựng CTĐT cho ngành QTKD chuyên ngành Marketing

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Marketing của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Tôn Đức Thắng (TĐT)	ĐH Tài chính – Marketing (UFM)	ĐH Kinh tế Luật (UEL)	ĐH Kinh tế Quốc dân (NEU)
<b>Mục tiêu đào tạo</b>	<p>Cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Marketing ra trường có cơ hội được nhận vào các vị trí tuyển dụng như:</p> <p>Chuyên viên marketing, Chuyên viên nghiên cứu thị trường, phân tích khách hàng, Quản lý bán hàng tại các công ty hàng tiêu dùng, công ty bán lẻ, các tập đoàn kinh doanh lớn tại Việt Nam và khu vực; Các nhà quản lý, tổ chức sự kiện lớn tại Việt Nam.</p> <p><b>PO1:</b> Người học có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản và nâng cao để giải quyết các vấn đề cụ thể trong kinh doanh chú trọng Marketing. Có khả năng phân tích, đánh giá, hoạch định và triển khai</p>	<p>Chương trình đào tạo Cử nhân Marketing cung cấp cho sinh viên một nền tảng khoa học sâu rộng trong ngành marketing và chuyên ngành quản trị marketing, cho phép sự linh hoạt trong việc lựa chọn nghề nghiệp và phát triển khả năng để học tiếp bậc sau đại học và học tập suốt đời trong môi trường đa văn hóa và thay đổi liên tục</p> <p>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp, sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản, lập luận ngành và chuyên ngành để phân tích Marketing, hoạch định và thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình Marketing cho doanh nghiệp/ tổ chức.</p>	<p>Có kiến thức chuyên môn về Marketing và quản trị vững vàng</p> <p>Có kỹ năng nghề nghiệp của một chuyên viên, quản lý Marketing và kỹ năng mềm cần thiết</p> <p>Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn</p> <p>Có khả năng đáp ứng tốt các yêu cầu làm việc trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nói chung, đặc biệt là lĩnh vực Kinh tế đối ngoại.</p>	<p>Đào tạo ra những cử nhân Marketing có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản trị kinh doanh, những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Marketing</p>

**Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Marketing của các Trường ĐH trong nước**

Tiêu chí so sánh	ĐH Tôn Đức Thắng (TĐT)	ĐH Tài chính – Marketing (UFM)	ĐH Kinh tế Luật (UEL)	ĐH Kinh tế Quốc dân (NEU)
	<p>các vấn đề liên quan đến quản trị và Marketing, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và các bên liên quan.</p> <p><b>PO2:</b> Người học có năng lực chuyên môn rộng và chuyên sâu; nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, có tư duy phản biện, độc lập, sáng tạo; có năng lực tự học, nghiên cứu, tổ chức triển khai hiệu quả các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có khả năng học tập ở bậc học cao hơn.</p> <p><b>PO3:</b> Người học có tính kỷ luật, thái độ làm việc tích cực, tôn trọng tập thể nhằm giúp phát triển con người toàn diện. Đồng thời, chương trình tập trung vào đào tạo đạo đức nghề nghiệp cho các nhà quản lý, chuyên gia trong tương lai nhằm giúp cho cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức phát triển bền vững.</p>			
<b>Chuẩn đầu ra</b>	Để được xét tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy và đạt được các yêu cầu theo chuẩn kiến thức, kỹ năng quy	Để được xét tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy và đạt được các yêu cầu theo tiêu chuẩn:	<p><i>Kiến thức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành Kinh tế quản lý, giải quyết các</li> </ul>	Kiến thức: Sinh viên có kiến thức tổng quát về quản trị toàn bộ hoạt động thuộc chức năng Marketing của một doanh



**Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Marketing của các Trường ĐH trong nước**

Tiêu chí so sánh	ĐH Tôn Đức Thắng (TĐT)	ĐH Tài chính – Marketing (UFM)	ĐH Kinh tế Luật (UEL)	ĐH Kinh tế Quốc dân (NEU)
	<p>định trong chương trình đào tạo và đạt các chuẩn đầu ra:                      Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc TOEFL iBT 50 hoặc các chứng chỉ khác tương đương.                      Chứng chỉ tin học MOS 750/1000 (Word/Excel/Powerpoint)                      Đạt điểm hoạt động ngoại khóa theo yêu cầu của chương trình.                      Đạt các kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành chuyên môn                      Kiến thức chung  <b>ELO1: Khái quát hóa (Generalize)</b> khối kiến thức khoa học xã hội &amp; nhân văn và tự nhiên để ứng dụng (Apply), giải quyết (Solve) các vấn đề kinh doanh, đặc biệt chú trọng Marketing.  <b>ELO2: Hiểu (Understand)</b> các lý thuyết nền tảng của kinh tế để ứng dụng (Apply), giải quyết (Solve) các vấn đề kinh doanh, đặc biệt chú trọng Marketing.  <b>ELO3: Hiểu (Understand)</b> kiến thức về tài chính và kế toán để ứng</p>	<p>khối kiến thức (kiến thức cơ bản và lập luận ngành, kiến thức chuyên ngành quản trị marketing), kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng cá nhân làm việc với mọi người), thái độ (thái độ/năng lực cá nhân với xã hội), quy định trong chương trình đào tạo và đạt các chuẩn đầu ra như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo CTĐT.</li> <li>• Có công trình Nghiên cứu Khoa học.</li> <li>• Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 6.0 hoặc các chứng chỉ khác tương đương.</li> <li>• Chứng chỉ tin học MOS cấp độ Specialist (Word/Excel).</li> <li>• Đạt các kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành chuyên môn.</li> </ul>	<p>vấn đề kinh tế và quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Áp dụng kiến thức cơ sở ngành Marketing, giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị</li> <li>• Áp dụng kiến thức chuyên ngành Marketing, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Marketing</li> </ul> <p><i>Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thể hiện khả năng phân tích và giải quyết vấn đề</li> <li>• Nghiên cứu và khám phá kiến thức</li> <li>• Tư duy một cách có hệ thống</li> </ul> <p><i>Thái độ tư tưởng và nghề nghiệp đúng đắn và khả năng học tập suốt đời:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có đạo đức và các trách nhiệm khác đối với cộng đồng</li> </ul>	<p>ngành/tổ chức; phối hợp với các bộ phận chức năng khác (sản xuất, tài chính, nhân sự...) để đạt được mục tiêu của tổ chức. Sinh viên có thể làm tốt việc lên kế hoạch và tổ chức thực hiện một chương trình nghiên cứu thị trường, tìm hiểu nhu cầu khách hàng; Xây dựng chiến lược và kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp, cho từng dòng sản phẩm hay cho một thương hiệu, trên một thị trường; lập kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông - xây dựng thương hiệu; thiết kế và quản lý kênh phân phối; Lên kế hoạch marketing cho sản phẩm mới và Tổ chức thực hiện Internet marketing và CRM                      Kỹ năng mềm: Sinh viên có các kỹ năng làm việc độc lập: Khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, biết soạn thảo</p>

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Marketing của các Trường ĐH trong nước

Tiêu chí so sánh	ĐH Tôn Đức Thắng (TĐT)	ĐH Tài chính – Marketing (UFM)	ĐH Kinh tế Luật (UEL)	ĐH Kinh tế Quốc dân (NEU)
	<p>dụng (Apply) và giải quyết (Solve) các vấn đề Kinh doanh, đặc biệt chú trọng Marketing. Kiến thức chuyên môn <b>ELO4: Vận dụng (Apply)</b> các nguyên lý về marketing để ứng dụng và giải quyết (Solve) các vấn đề kinh doanh, đặc biệt chú trọng Marketing. <b>ELO5: Phân tích (Analyze) và Đánh giá (Assess)</b> chiến lược marketing trong các tình huống kinh doanh. <b>ELO6: Hoạch định (Plan) và tổ chức (Organize)</b> hoạt động marketing liên quan đến các tình huống kinh doanh. Kỹ năng chuyên môn <b>ELO7: Có khả năng nghiên cứu (Research)</b> và khám phá kiến thức về kinh doanh nói chung và marketing nói riêng. <b>ELO8: Phát triển (Develop)</b> tư duy giúp giải quyết các vấn đề kinh doanh và marketing một cách linh hoạt và sáng tạo.</p>		<p><i>Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khả năng làm việc nhóm</li> <li>• Có trình độ tiếng Anh tương đương với 500 điểm TOEIC</li> <li>• <i>Năng lực thực hành nghề nghiệp:</i></li> <li>• Hiểu rõ bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường</li> <li>• Hiểu rõ bối cảnh doanh nghiệp</li> <li>• Áp dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong các hoạt động Marketing</li> </ul>	<p>các văn bản kinh tế; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: Trình bày một cách rõ ràng, tự tin và thuyết phục các chủ đề về kinh tế xã hội; Khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan tới hình ảnh, danh tiếng và thương hiệu một cách khoa học; Kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.; và có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Hiểu biết cách xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch marketing trong tổ chức. Kỹ năng ngoại ngữ: Khả năng sử dụng bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) trong giao tiếp và giải quyết công việc, có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn tối thiểu 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc; Đọc và hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh; Soạn thảo các văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo</p>



**Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Marketing của các Trường ĐH trong nước**

Tiêu chí so sánh	ĐH Tôn Đức Thắng (TĐT)	ĐH Tài chính – Marketing (UFM)	ĐH Kinh tế Luật (UEL)	ĐH Kinh tế Quốc dân (NEU)
	<p><b>ELO9: Thành thạo (Master)</b> kỹ năng đàm phán, thương lượng với khách hàng và các đối tác để đạt mục tiêu kinh doanh và marketing đề ra. Kỹ năng chung</p> <p><b>ELO10: Hoàn thiện (Perfect)</b> kỹ năng làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm.</p> <p><b>ELO11: Sử dụng (Use)</b> tiếng Anh để có thể làm việc trong môi trường kinh doanh, đạt tối thiểu trình độ B1 (quốc tế), từ IELTS 5.0 trở lên (hoặc các chứng chỉ khác tương đương).</p> <p><b>ELO12: Thành thạo (Master)</b> kỹ năng tin học và kỹ năng soạn thảo văn bản để có thể làm việc trong môi trường kinh doanh, đạt được chứng chỉ MOS 750. Thái độ và ý thức</p> <p><b>ELO 13: Thể hiện (Display)</b> tinh thần đam mê học hỏi, có ý chí và thái độ tích cực trong tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề; Thể hiện phương pháp làm việc và tư duy khoa học,</p>			<p>bằng tiếng Anh; Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường làm việc; Có khả năng giao tiếp khi tiến hành các hoạt động nghiệp vụ. Đọc và hiểu các tài liệu Tiếng Anh liên quan đến marketing, truyền thông, nghiên cứu thị trường...</p> <p>Kỹ năng tin học: Có kiến thức tin học căn bản, kỹ năng giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng các ứng dụng phần mềm của Microsoft Office: MS-Excel, MS-Word, MS-Project Manager; Mind Manager; PowerPoint; Kỹ năng tư duy và tổ chức công việc sử dụng công cụ phần mềm tin học (Mind Manager); Kỹ năng thuyết trình và truyền đạt thông tin sử dụng phần mềm MS- PowerPoint; Kỹ năng tham gia quá trình phát triển các hệ thống thông tin hỗ</p>

<b>Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành Marketing của các Trường ĐH trong nước</b>				
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>ĐH Tôn Đức Thắng (TĐT)</b>	<b>ĐH Tài chính – Marketing (UFM)</b>	<b>ĐH Kinh tế Luật (UEL)</b>	<b>ĐH Kinh tế Quốc dân (NEU)</b>
	<p>biết cách giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp; Thể hiện trách nhiệm cao trong công việc, có đạo đức trong kinh doanh; và tác phong chuyên nghiệp trong xã hội hiện đại.</p> <p><b>ELO14: Thể hiện (Display)</b> tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác xã hội phục vụ cộng đồng, cơ quan đoàn thể; quản trị hoạt động kinh doanh với tinh thần phụng sự và phát triển bền vững.</p>			<p>trợ các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn của mình với tư cách người sử dụng. Sử dụng hiệu quả phần mềm ứng dụng phục vụ chuyên môn trong môi trường Internet (Internet Marketing) và Sử dụng được các phần mềm chuyên dùng thuộc chuyên ngành đào tạo SPSS hoặc STATA</p>
<b>Cấu trúc</b>	<p>Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh – CN Marketing được thực hiện trong 08 học kỳ với tổng số tín chỉ tích lũy yêu cầu mỗi sinh viên phải đạt được để đủ điều kiện tốt nghiệp là 143 tín chỉ.</p>	<p>Tổng khối lượng kiến thức toàn chương trình đào tạo là 130 tín chỉ (chưa bao gồm giáo dục thể chất, quốc phòng và kỹ năng mềm)</p>		



**Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT CLC trong nước Khoa đã tham khảo để xây dựng CTĐT cho ngành QTKD chuyên ngành KDQT**

<b>Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước</b>				
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>ĐH Vinh</b>	<b>ĐH Ngoại thương</b>	<b>ĐH Luật TPHCM</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Mục tiêu đào tạo</b>	Đào tạo cử nhân đại học về Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao; nắm vững kiến thức cơ bản, có hệ thống về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp và quản trị nhân lực các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và trong môi trường hội nhập quốc tế; có tư duy nghiên cứu độc lập và có năng lực làm việc theo nhóm; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc	Mục tiêu của chương trình là đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp tiếp cận với trình độ của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, được chuẩn bị về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng thực hành cơ bản để tự học tập, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết các vấn đề kinh doanh và quản trị kinh doanh trong môi trường quốc tế; sử dụng thông thạo tin học văn phòng và tiếng Anh.	đào tạo sinh viên Quản trị kinh doanh trong môi trường lý luận của ngành luật sẽ giúp các sinh viên khi tốt nghiệp sẽ có tư duy nhạy bén trong môi trường nghề nghiệp của mình.	1 credit = 1 tín chỉ
<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Về kiến thức:</b> Cử nhân Quản trị kinh doanh chất lượng cao được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về quản trị chung (Quản trị chiến lược, quản trị doanh nghiệp, quản trị nhân sự...) và quản trị điều hành (Quản trị tác nghiệp, quản trị chất lượng, văn hoá doanh nghiệp...) trong các loại hình doanh nghiệp vận hành trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản	Về kiến thức (1) Xây dựng thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic (2) Giải thích quan điểm, đường lối của Đảng; tư tưởng Hồ Chí Minh; pháp luật. (3) Mô tả được các mô hình, phương pháp toán ứng dụng trong quản trị kinh doanh.	Bằng tốt nghiệp của sinh viên học tập theo chương trình chất lượng cao được ưu tiên xét chuyển tiếp vào các chương trình học bổng của Nhà nước về đào tạo Thạc sỹ và Tiến sỹ.	

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
	<p>trị doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam và môi trường toàn cầu hóa.</p> <p><i>Về kỹ năng:</i> Thông qua các môn học được chuẩn hóa theo chương trình tiên tiến, cử nhân Quản trị kinh doanh chất lượng cao được trang bị các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng hoạch định chiến lược, kỹ năng quản trị, kỹ năng kinh doanh, kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; hay các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp... Bên cạnh đó, sinh viên được tăng cường kinh nghiệm thực tế thông qua thực tập, kiến tập tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp, cơ quan, tham gia CLB phát triển năng lực lãnh đạo, tinh thần doanh nhân và kinh doanh.</p> <p><i>Về thái độ:</i> Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo trong việc cập nhật các kiến thức, xu hướng quản trị mới, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	<p>(4) Phân tích/giải thích các hiện tượng kinh tế, cách thức vận hành của nền kinh tế thị trường, phản ứng của người tiêu dùng và các hàng trên các cấu trúc thị trường khác nhau; nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô;</p> <p>(5) Giải thích nguyên lý MKT căn bản; nguyên tắc kế toán và hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp; lập, đọc và phân tích hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp</p> <p>(6) Phân tích các cách thức ra quyết định trong doanh nghiệp; nguyên tắc kế toán và hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp.</p> <p>(7) Ứng dụng nguyên tắc, phương pháp thu thập, xử lý thông tin; các mô hình kinh tế lượng<sup>3</sup></p> <p>(8) Giải thích các vấn đề về tổ chức và quản lý, chiến</p>		



Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
		<p>lược, nhân sự, tài chính-kế toán, kiểm toán, tác nghiệp và thương mại điện tử</p> <p>(9) Áp dụng/ứng dụng lý thuyết, mô hình, công cụ, quy định pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế;</p> <p>(10) Áp dụng phương thức giao dịch thâm nhập thị trường; thiết lập chiến lược và các quyết định MKT mix trên phạm vi quốc tế.</p> <p>* Về kỹ năng</p> <p>- Kỹ năng chuyên môn</p> <p>(11) Kỹ năng lãnh đạo trong môi trường kinh doanh quốc tế</p> <p>(12) Giải quyết vấn đề và ra quyết định; Lập kế hoạch, tổ chức công việc</p> <p>(13) Kỹ năng kinh doanh quốc tế (nghiên cứu thị trường, lập dự án đầu tư, phân tích báo cáo tài chính, thư tín, giải quyết tranh chấp...)</p> <p>- Kỹ năng bổ trợ (chung)</p>		

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
		<p>(14) Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; làm việc độc lập và làm việc nhóm; giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục, đặc biệt trong môi trường kinh doanh đa văn hóa;</p> <p>(15) Kỹ năng lực tư duy tích cực, hệ thống và sáng tạo</p> <p>* Về ngoại ngữ, tin học:</p> <p>(16) Sử dụng thông thạo tiếng Anh (Bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày);</p> <p>(17) Thành thạo tin học văn phòng (kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao theo quy định Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014)</p> <p>* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>(18) Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế;</p> <p>(19) Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Trách</p>		

*MW*



<b>Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước</b>				
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>ĐH Vinh</b>	<b>ĐH Ngoại thương</b>	<b>ĐH Luật TPHCM</b>	<b>Ghi chú</b>
		nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; (20) Có ý thức phục vụ nhân dân; (21) Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể		
<b>Cấu trúc</b>		Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 tín chỉ		
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>ĐH Tôn Đức Thắng</b>	<b>Đại học Quốc tế – Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>ĐH Ngân hàng TPHCM</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Mục tiêu đào tạo</b>	Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế- CLC Trường Đại học Tôn Đức Thắng có cơ hội làm việc tại các tập đoàn đa quốc gia, liên doanh, tổ chức tài chính, công ty tư vấn toàn cầu, công ty xuất nhập khẩu, các tổ chức nghiên cứu thị trường, các hiệp hội ngành nghề, các trung tâm xúc tiến thương mại trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế với các lĩnh vực công việc	Sinh viên được trang bị các mô hình lý thuyết và công cụ phân tích cần thiết để hiểu được nhiều khía cạnh của môi trường kinh doanh quốc tế (tài chính, tiếp thị, chính trị, kinh tế, luật, văn hóa và sự ảnh hưởng của môi trường này đến chiến lược, kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng nắm bắt các vấn đề liên ngành trong môi trường kinh doanh toàn cầu, cụ thể là ba lĩnh vực có quan hệ mật thiết với nhau và ảnh hưởng đến doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi quốc tế như: Kinh tế – Tài chính quốc tế, Tiếp thị quốc tế và Chiến lược kinh doanh quốc tế.	Mục tiêu đào tạo:Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh chương trình chất lượng cao nắm vững kiến thức nền tảng, hiện đại về quản trị trong kinh doanh theo chuẩn mực quốc tế và Việt Nam;có năng lực xây dựng và thực hiện các kế hoạch/dự án kinh doanh cho cá nhân, tổ chức, Chính Phủ và các tổ chức quốc tế.	

<b>Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước</b>				
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>ĐH Vinh</b>	<b>ĐH Ngoại thương</b>	<b>ĐH Luật TPHCM</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Chuẩn đầu ra</b>	<p>Đề được xét tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy và đạt được các yêu cầu theo chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình đào tạo và đạt các chuẩn đầu ra như sau:</p> <p>Chứng chỉ nghề quốc tế FIATA; Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5, hoặc TOEFL iBT 5.0 hoặc các chứng chỉ khác tương đương; Chứng chỉ tin học MOS 750/1000 (Word/Excel/Powerpoint); Đạt điểm hoạt động ngoại khóa theo yêu cầu của chương trình; Đạt các kỹ năng mềm, kỹ năng thực hành chuyên môn.</p>	<p><b>1.1. Kiến thức Lý luận Chính trị</b> <u>Về lý luận chính trị:</u> Sinh viên tốt nghiệp có hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan làm việc sau khi tốt nghiệp. Có thể giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực. <u>Về đạo đức, hành vi:</u> Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp tốt. Có tinh thần yêu nước, yêu đồng bào, gần bó và có tinh thần phục vụ cộng đồng tốt. Có tinh thần trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng. Có tính chủ động, tích cực, cầu tiến, sáng tạo trong công việc. Có tinh thần và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả cao, tính chuyên nghiệp cao.</p> <p><b>1.2. Khả năng ngoại ngữ</b> Sinh viên trường Đại học Quốc tế khi hoàn tất chương trình đại học phải đạt đến trình độ tiếng Anh trung – cao cấp. Trình độ tiếng Anh tối thiểu là 550 TOEFL pBT hoặc các</p>	<p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các bộ phận lập kế hoạch, phát triển chiến lược kinh doanh; phân tích kinh doanh; quản lý sản phẩm, truyền thông, marketing, quan hệ khách hàng, phát triển mạng lưới; Chuyên viên xúc tiến thương mại, đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng kinh doanh; quản trị nguồn nhân lực; quản trị văn phòng,... của các công ty, ngân hàng thương mại, định chế tài chính trung gian, tổ chức kinh tế, chính trị xã hội, cơ quan của chính phủ.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp cũng có thể khởi nghiệp kinh doanh hoặc trở thành giảng viên, nghiên cứu viên ở các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước trên cơ sở tiếp tục theo học ở các bậc học cao hơn.</p> <p>Với lợi thế kiến thức cập nhật và chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ, kỹ năng cá nhân, sự am hiểu môi trường đa văn hóa, sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao ngành Quản trị kinh</p>	



Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
		<p>chúng chỉ khác có điểm số tương đương, cụ thể là: 79 TOEFL iBT, hoặc 6.5 IELTS.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp phải viết luận văn tốt nghiệp bằng Tiếng Anh và phải bảo vệ thành công trước Hội đồng Khoa học.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia vào các cuộc đối thoại hoặc thảo luận với vốn từ tương đối đầy đủ cho mọi tình huống, có kiến thức tương đối tốt về các thành ngữ tiếng Anh, ngữ động từ và từ ngữ thông tục.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp nắm vững tất cả các lĩnh vực ngữ pháp tiếng Anh và có thể trình bày dưới dạng luận văn các vấn đề trong đời sống cũng như trong môi trường học thuật.</p> <p><b>1.3. Khả năng về công nghệ thông tin</b></p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có khả năng phân tích và khai thác công nghệ thông tin để nâng cao lợi thế cạnh tranh trong hoạt động của tổ chức và năng suất cá nhân.</p> <p>Sinh viên có khả năng sử dụng các phần mềm văn bản, bảng tính, cơ sở dữ liệu, xử lý thống kê và các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các vấn đề về kế toán, tài chính và định lượng.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để lựa chọn, xử lý số liệu, mô tả, chứng minh và giải thích các số</p>	<p>doanh có điểm khởi đầu thuận lợi để theo đuổi giấc mơ trở thành các CEO, doanh nhân khởi nghiệp, nhà quản lý, chuyên gia tư vấn... vững vàng trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.</p>	

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
		<p>liệu nhằm xây dựng các báo cáo, đưa ra các quyết định.</p> <p><b>1.4. Kiến thức Chuyên môn</b> Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh được trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý Kinh doanh để có thể làm việc trong các lĩnh vực: Chuyên viên hay nhà quản lý cấp trung trong các bộ phận chức năng như nhân sự, hành chính, dự án, sản xuất, Kinh doanh và tiếp thị v.v tại các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc các doanh nghiệp nước ngoài</p> <p>Chuyên viên phụ trách quản trị Tiếp thị, chuyên viên phân tích tại các công ty Nghiên cứu thị trường, hoặc chuyên viên tư vấn quản trị tại các công ty tư vấn phát triển doanh nghiệp</p> <p>Chuyên viên hay nhà quản lý trong các bộ phận, phòng ban của các nhà hàng, khách sạn, và các công ty du lịch v.v...</p> <p><b>1.5. Kỹ năng</b> Sinh viên tốt nghiệp chương trình Quản trị Kinh doanh có các kỹ năng liên quan đến các lĩnh vực như sau: <u>Kỹ năng phân tích (Analytical) và phân biên (Critical thinking)</u></p>		

Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
		<p>Sinh viên tốt nghiệp có khả năng hiểu, phân tích và khai thác các số liệu; sử dụng tốt các kỹ năng giải quyết vấn đề để đưa ra quyết định Kinh doanh cũng như xây dựng các báo cáo.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp được trang bị tư duy phản biện tốt, từ đó phân tích, đánh giá nhằm đưa ra cách giải quyết. Sinh viên có thể diễn giải và đánh giá những tình huống phức tạp, xác định vấn đề, áp dụng lý thuyết đã học vào tình huống mơ hồ hoặc các vấn đề mới chưa có tiền lệ từ đó ra quyết định và ứng dụng trong thực tiễn.</p> <p><u>Kỹ năng giao tiếp (Communication) và Làm việc Nhóm (Teamwork)</u></p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có khả năng giao tiếp một cách hiệu quả bằng tiếng Anh trong tất cả các hình thức giao tiếp như văn bản, thuyết trình, tổ chức và chia sẻ thông tin.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có được kỹ năng của một thành viên nhóm hiệu quả. Những ý kiến hay hành động của sinh viên sẽ hữu ích với những thành viên khác trong nhóm. Sự tham gia của sinh viên mang tính xây dựng. Sinh viên biết học hỏi và tôn trọng những khả năng và đóng góp của đồng nghiệp. Sinh viên sẵn sàng chịu</p>		



Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước				
Tiêu chí so sánh	ĐH Vinh	ĐH Ngoại thương	ĐH Luật TPHCM	Ghi chú
		<p>trách nhiệm về hành vi và hành động của mình.</p> <p><u>Khả năng tự đào tạo (Continuing Self-Development) và Nhận thức triển vọng (Perspective)</u></p> <p>Mỗi sinh viên luôn được khuyến khích xây dựng thái độ và hành vi tự học phù hợp với môi trường Kinh doanh.</p> <p>Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự đào tạo, tự trau dồi kiến thức hoặc thông qua các cơ sở đào tạo, tham gia vào các hiệp hội nghề nghiệp. Sinh viên có thể sử dụng các tài liệu và nguồn lực để tham khảo, biết cách đặt ra những câu hỏi hiệu quả và thích hợp.</p> <p>Sinh viên có thể lĩnh hội, mô tả, giải thích những yếu tố liên quan đến môi trường ngành công nghiệp (như khách hàng, cạnh tranh, nhà cung cấp, luật, môi trường) và đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức hay các vấn đề và quyết định trong Kinh doanh.</p> <p><b>1.6. Thái độ và đạo đức nghề nghiệp</b></p> <p>Sinh viên tốt nghiệp với bằng cử nhân có khả năng nhận biết, hiểu và đánh giá các vấn đề và tình huống có liên quan đến đạo đức Kinh doanh, từ đó đưa ra quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp.</p>		

<b>Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT ngành QTKD/kinh doanh quốc tế của các Trường ĐH trong nước</b>				
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>ĐH Vinh</b>	<b>ĐH Ngoại thương</b>	<b>ĐH Luật TPHCM</b>	<b>Ghi chú</b>
		Sinh viên tốt nghiệp nhận ra được những vấn đề về đạo đức Kinh doanh trong nhiều bối cảnh khác nhau trong và ngoài nước, từ đó có nhiều giải pháp đa dạng và đưa ra được lựa chọn hợp lý cho vấn đề đó.		
<b>Cấu trúc</b>	Chương trình đào tạo Cử nhân Chất lượng cao ngành Kinh doanh quốc tế được thực hiện trong 08 học kỳ. Tổng số tín chỉ tích lũy mỗi sinh viên (SV) phải đạt được để đủ điều kiện tốt nghiệp là 139 tín chỉ.	Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 136 136 tín chỉ (chưa tính số TC của các học phần: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh)		Click or tap here to enter text.

**Bảng đối chiếu, so sánh với CTĐT CLC nước ngoài Khoa đã tham khảo để xây dựng CTĐT cho ngành QTKD/kinh doanh quốc tế**

<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>AUN</b>	<b>SHELLER</b>	<b>OCASYS</b>	
<b>Mục tiêu đào tạo</b>	Cử nhân Kinh doanh Quốc lấy điểm mạnh và tầm nhìn của bạn làm nền tảng và giúp bạn xây dựng kiến thức và khả năng để thực hiện nguyện vọng của mình. Bạn sẽ học cách mà các nhà lãnh đạo đàm phán, giải quyết xung đột và quản lý trong môi trường kinh doanh toàn cầu	Chương trình cấp bằng Cử nhân Khoa học về Kinh doanh Quốc tế cung cấp các kỹ năng, thực hành và chuyên môn cần thiết cho sinh viên tìm kiếm một tương lai như là một nhà điều hành kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, chương trình học cho phép sinh viên tương tác với các đồng nghiệp từ khắp nơi trên thế giới và tận mắt trải nghiệm bản chất kinh	Cung cấp từ các kiến thức nền tảng của Kinh doanh quốc tế như: quản lý quốc tế, Kinh tế học, Kế toán tài chính, cũng như Marketing quốc tế và Luật kinh doanh quốc tế đến kiến thức chuyên sâu như quản trị đa văn hóa. Sinh viên được học tập và rèn luyện các kỹ năng như: ngôn ngữ, giao tiếp trong	

	<p>có nhiều nền văn hóa khác nhau. Bạn có thể hiểu chi tiết về môi trường kinh doanh và cách thức quản lý và tiếp thị ở Châu Á, Châu Âu, Trung Đông hoặc Châu Mỹ Latinh. Cuối cùng, bạn sẽ bổ sung kiến thức này thông qua đào tạo ngôn ngữ đẳng cấp quốc tế.</p>	<p>doanh toàn cầu ngày nay. Bên cạnh những nguyên tắc kinh doanh được cung cấp, sinh viên sẽ trở nên quen thuộc với các điều kiện ngôn ngữ, xã hội, kinh tế và chính trị, cũng như những thông lệ kinh doanh của một số quốc gia. Những nguyên tắc trong quản trị kinh doanh, các ứng dụng về kinh tế và kiến thức tâm lý về marketing cũng được bao gồm trong chương trình đào tạo này.</p>	<p>môi trường đa văn hóa, làm việc nhóm, và kỹ năng làm việc một cách độc lập</p>
<p><b>Chuẩn đầu ra</b></p>	<p><b>1. Kiến thức</b> Sinh viên tốt nghiệp có bằng Cử nhân Kinh doanh Quốc tế sẽ có kiến thức rộng và mạch lạc về các khái niệm và thông lệ kinh doanh quốc tế, sẽ tạo cơ sở cho việc học tập suốt đời một cách độc lập.</p> <p><b>2. Kỹ năng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng nhận thức để xem xét phê bình, phân tích, củng cố và tổng hợp kiến thức</li> <li>- Kỹ năng nhận thức và Kỹ năng chuyên môn thể hiện sự hiểu biết rộng về kiến thức kinh doanh quốc tế với chiều sâu trong một số lĩnh vực;</li> <li>- Kỹ năng nhận thức và sáng tạo thực hiện tư duy phê phán và phán đoán trong việc xác định và giải quyết các vấn đề một cách độc lập; và,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng thực hành kinh doanh cơ bản để giải quyết các vấn đề kinh doanh quốc tế.</li> <li>- Đánh giá các yếu tố toàn cầu hóa thị trường và các chiến lược kinh doanh điển hình để cạnh tranh tại thị trường nước ngoài.</li> <li>- Phân tích các khái niệm về văn hóa trong phạm vi toàn cầu.</li> <li>- Phân tích các vấn đề mới nổi mà các quốc gia và doanh nghiệp phải đối mặt trên thị trường quốc tế.</li> </ul>	



	- Kỹ năng giao tiếp để trình bày rõ ràng, mạch lạc và độc lập những kiến thức và ý tưởng kinh doanh quốc tế.			
<b>Cấu trúc</b>	144 tín chỉ (học thuật)	120 tín chỉ (học thuật)	180 ECTS	
<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>LATROBE</b>	<b>RMIT VIỆT NAM</b>		
<b>Mục tiêu đào tạo</b>	<p>Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng về:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kinh tế quốc tế và thương mại <ul style="list-style-type: none"> <li>Hiểu cách thị trường toàn cầu vận hành và các quốc gia liên quan đến nhau.</li> <li>Xem xét tác động của các chính sách thương mại quốc tế và vị thế hiện tại và quan điểm tương lai của Úc trong nền kinh tế toàn cầu.</li> </ul> </li> <li>Quản lý tài chính quốc tế <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận diện sự ảnh hưởng của thị trường tài chính toàn cầu đến các doanh nghiệp địa phương và các tập đoàn đa quốc gia.</li> <li>Xem xét cách thức các doanh nghiệp phản ứng với các biến động của tỷ giá hối đoái, lãi suất nước ngoài, chi phí lao động và lạm phát.</li> </ul> </li> <li>Tiếp thị quốc tế <ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm hiểu về bản chất của thị trường quốc tế và nền kinh tế kỹ thuật số mới.</li> <li>Khám phá những thách thức mà các</li> </ul> </li> </ol>	<p>Phát triển kỹ năng quản lý và phân tích các xu hướng kinh doanh trên thế giới qua tìm hiểu trọng tâm về luật quốc tế, marketing toàn cầu, khởi nghiệp và kinh tế vĩ mô. Song song đó, sinh viên sẽ vẫn tích lũy được nền tảng kiến thức vững chắc về các lý thuyết kinh doanh truyền thống, về kinh tế, tài chính và quản trị.</p>		

	nhà quản lý tiếp thị phải đối mặt khi hoạt động trong môi trường đa văn hóa toàn cầu.			
<b>Chuẩn đầu ra</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giám đốc bán hàng quốc tế <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát việc nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ sang các nước khác.</li> </ul> </li> <li>2. Quản lý điểm đến <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc với khách hàng quốc tế hoặc các nhà tuyển dụng thuê ngoài</li> <li>- Điều phối các cuộc họp, các chương trình du lịch</li> </ul> </li> <li>3. Chuyên gia thương mại quốc tế <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc với các văn phòng thương mại của chính phủ nước ngoài để tối đa hóa cơ hội đầu tư kinh doanh tại thị trường nước ngoài cho khách hàng doanh nghiệp và đối tác thương mại.</li> </ul> </li> </ol>			
<b>Cấu trúc</b>	Học theo học phần chia làm 6 kỳ trong 3 năm ~ 360 credits (60 credits/kỳ)	24 môn/ 9 học kỳ/ 3 năm		

## DANH MỤC CÁC MÔN HỌC TƯƠNG ĐƯƠNG – THAY THẾ

### 1/ Chuyên ngành Marketing

STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
<b>1. Danh mục môn học tương đương</b>							
1	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	<b>Môn học tương đương theo quy định ngoại ngữ không chuyên của Trường</b>			
2	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4				
3	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4				
4	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4				
5	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4				
6	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4				
7	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4				
8	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4				
9	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	Nguyên lý kế toán	ACCO5301	3	KTKT
10	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	Pháp luật đại cương	GLAW6301	3	Luật
11	Marketing căn bản	BADM2301	3	Marketing căn bản	BADM5335	3	
12	Quản trị tài chính	FINA4306	3	Quản trị tài chính	FINA5324	3	TCNH
13	Tin học đại cương	COMP1401	4	Tin học đại cương	COMP6301	3	BCB
14	Chiến lược và chính sách giá	BADM4318	3	Chiến lược và chính sách giá	BADM6311	3	
15	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM6301	3	



STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
16	Phân tích định lượng trong QT (TA)	BADM2305	3	Phân tích định lượng trong QT (TA)	BADM5309	3	
17	Quản trị bán hàng	BADM4303	3	Quản trị bán hàng	BADM5314	3	
18	Quản trị kênh phân phối	BADM3335	3	Quản trị kênh phân phối	BADM6310	3	
19	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM3325	3	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM6309	3	
20	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	Thống kê ứng dụng	BADM6302	3	
21	Thương mại điện tử	BADM3306	3	Thương mại điện tử	BADM6303	3	
22	Quan hệ công chúng (TA)	BADM3305	3	Quan hệ công chúng (TA)	BADM5323	3	
23	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	Quản trị nhân lực (TA)	BADM5304	3	Có thể học bằng Tiếng Việt
24	Quảng cáo và khuyến mãi	BADM3331	3	Quảng cáo (TA)	BADM5321	3	Có thể học bằng Tiếng Việt
25	Hành vi khách hàng	BADM3301	3	Hành vi khách hàng	BADM5317	3	
26	Marketing quốc tế	BADM3302	3	Marketing quốc tế	BADM5320	3	
27	Nghiên cứu Marketing	BADM4304	3	Nghiên cứu Marketing	BADM5318	3	
28	Quản trị chiến lược	BADM4301	3	Quản trị chiến lược	BADM5306	3	
29	Quản trị dự án	BADM4312	3	Quản trị dự án	BADM5312	3	
30	Quản trị học	BADM1301	3	Quản trị học	BADM5301	3	
31	Quản trị marketing	BADM2304	3	Quản trị marketing	BADM5305	3	
32	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3	Quản trị thương hiệu	BADM5310	3	

STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
33	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM4320	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM5307	3	
34	Truyền thông marketing tích hợp	BADM4302	3	Truyền thông Marketing tích hợp	BADM5319	3	
<b>2. Danh mục môn học thay thế</b>							
1	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	POLI1201	2	Triết học Mác – Lê nin	POL1304	3	BCB
2	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	POLI2302	3	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	POLI1205	2	
3				Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	2	
4	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2	
6	Giáo dục quốc phòng	DEDU1801	8	GDQP và AN: Đường lối QP và AN của Đảng Cộng sản Việt Nam	DEDU0301	3	
				GDQP và AN: Công tác quốc phòng và an ninh	DEDU0202	2	
				GDQP và AN: Quân sự chung	DEDU0103	1	
				GDQP và AN: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEDU0204	2	
7	Thực tập TN QTKD	BADM4899	4	Thực tập 2 - QTKD	BADM6401	4	
8	Kiến tập	GLAW4101	1	Thay bằng các môn học ITC thuộc Kiến thức tự chọn 2 (kỹ năng) từ số thứ tự 67-76 của chương trình đào tạo ngành QTKD nhằm tích lũy được đủ số tín chỉ theo yêu cầu của CTĐT		1	
9	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1				
10	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2				



STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
11	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	Thay bằng các môn học 3TC thuộc <u>Kiến thức Kinh tế - Khoa học xã hội nhân văn</u> mục 1b- từ số thứ tự 6-16 của chương trình đào tạo ngành QTKD (không được trùng với môn học đã học )		3	
12	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3			3	
13	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	Thay bằng các môn học 3TC thuộc <u>Kiến thức toán - tin học và khoa học tự nhiên</u> mục 1c- số thứ tự 19-26 của chương trình đào tạo ngành QTKD (không được trùng với môn học đã học )		3	
14	Toán cao cấp	MATH1301	3			3	
15	Lập kế hoạch kinh doanh	BADM3324	3	Thay bằng các môn học 3TC thuộc <u>Kiến thức ngành, chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn)</u> của chương trình đào tạo ngành QTKD (không được trùng với môn học đã học )		3	
16	Luật kinh doanh	GLAW3302	3			3	
17	Chiến lược marketing	BADM4309	3			3	
18	Marketing dịch vụ	BADM4310	3			3	
19	Quản trị dự án	BADM4312	3			3	
20	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM3325	3			3	
21	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3			3	



## 2/ Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế

STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
<b>1. Danh mục môn học tương đương</b>							
1	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	<b>Môn học tương đương theo quy định ngoại ngữ không chuyên của Trường</b>			
2	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4				
3	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4				
4	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4				
5	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4				
6	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4				
7	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4				
8	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4				
9	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	Nguyên lý kế toán	ACCO5301	3	KTKT
10	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	Pháp luật đại cương	GLAW6301	3	Luật
11	Thanh toán quốc tế	FINA3302	3	Thanh toán quốc tế	FINA6303	3	TCNH
12	Đầu tư quốc tế	BADM3330	3	Đầu tư quốc tế	BADM6314	3	TCNH
13	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM6301	3	
14	Quản trị nhân lực	BADM2303	3	Quản trị nhân lực (TA)	BADM5304	3	Có thể học bằng Tiếng Việt
15	Quản trị vận hành	BADM3303	3	Quản trị vận hành	BADM6305	3	
16	Quản trị xuất nhập khẩu	BADM3334	3	Quản trị xuất nhập khẩu (TA)	BADM5332	3	Có thể học bằng Tiếng Việt

STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
17	Thương mại điện tử	BADM3306	3	Thương mại điện tử	BADM6303	3	
18	Tin học đại cương	COMP1401	4	Tin học đại cương	COMP6301	3	
19	Vận tải và bảo hiểm	BADM3309	3	Vận tải và bảo hiểm	BADM6313	3	
20	Kinh doanh quốc tế (TA)	BADM3308	3	Kinh doanh quốc tế (TA)	BADM5329	3	
21	Marketing căn bản (TA)	BADM2301	3	Marketing căn bản (TA)	BADM5335	3	
22	Marketing quốc tế (TA)	BADM3302	3	Marketing quốc tế (TA)	BADM5320	3	
23	Nghiên cứu marketing (TA)	BADM4304	3	Nghiên cứu marketing (TA)	BADM5318	3	
24	Quan hệ công chúng (TA)	BADM3305	3	Quan hệ công chúng (TA)	BADM5323	3	
25	Quản trị chiến lược (TA)	BADM4301	3	Quản trị chiến lược (TA)	BADM5306	3	
26	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	BADM3322	3	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	BADM5311	3	
27	Quản trị dự án (TA)	BADM4312	3	Quản trị dự án (TA)	BADM5312	3	
28	Quản trị học (TA)	BADM1301	3	Quản trị học (TA)	BADM5301	3	
29	Quản trị Marketing (TA)	BADM2304	3	Quản trị Marketing (TA)	BADM5305	3	
30	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế (TA)	BADM4321	3	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế (TA)	BADM5331	3	
31	Quản trị tài chính (TA)	FINA4306	3	Quản trị tài chính (TA)	FINA5324	3	
32	Quản trị thương hiệu (TA)	BADM3304	3	Quản trị thương hiệu (TA)	BADM5310	3	
33	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (TA)	BADM4320	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (TA)	BADM5307	3	
<b>2. Danh mục môn học thay thế</b>							



STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
1	Những NLCB CN Mac - Lênin (P1)	POLI1201	2	Triết học Mác – Lê nin	POL1304	3	BCB
2	Những NLCB CN Mac - Lênin (P2)	POLI2302	3	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	POLI1205	2	
				Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	2	
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	2	
5	Giáo dục quốc phòng	DEDU1801	8	GDQP và AN: Đường lối QP và AN của Đảng Cộng sản Việt Nam	DEDU0301	3	
				GDQP và AN: Công tác quốc phòng và an ninh	DEDU0202	2	
				GDQP và AN: Quân sự chung	DEDU0103	1	
				GDQP và AN: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEDU0204	2	
6	Thực tập TN QTKD	BADM4899	4	Thực tập 2 – QTKD	BADM6401	4	
7	Kinh doanh quốc tế 2 (TA)	BADM3332	3	Quản trị kinh doanh quốc tế (TA)	BADM5330	3	



STT	Các môn học tổ chức từ năm 2019 trở về trước			Các môn học tổ chức từ năm 2020 trở đi			Khoa phụ trách
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
8	Kiến tập	GLAW4101	1	Thay bằng các môn học 1TC thuộc Kiến thức tự chọn 2 (kỹ năng) từ số thứ tự 67-76 của chương trình đào tạo ngành QTKD nhằm tích lũy được đủ số tín chỉ theo yêu cầu của CTĐT		1	
9	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1				
10	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2				
11	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	Thay bằng các môn học 3TC thuộc Kiến thức Kinh tế - Khoa học xã hội nhân văn mục 1b- từ số thứ tự 6-16 của chương trình đào tạo ngành QTKD (không được trùng với môn học đã học)		3	
12	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3				
13	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	Thay bằng các môn học 3TC thuộc Kiến thức toán -tin học và khoa học tự nhiên mục 1c- số thứ tự 19-26 của chương trình đào tạo ngành QTKD (không được trùng với môn học đã học)		3	
14	Toán cao cấp	MATH1301	3				
15	Nghiên cứu marketing	BADM4304	3	Thay bằng các môn học 3TC thuộc Kiến thức ngành, chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn) của chương trình đào tạo ngành QTKD (không được trùng với môn học đã học)		3	
16	Quản trị thương hiệu	BADM3304	3				
17	Quản trị dự án	BADM4312	3				
18	Luật kinh doanh quốc tế	GLAW2301	3				
19	Thương mại điện tử	BADM3306	3				
19	Lập kế hoạch kinh doanh	BADM3324	3				
20	Quản trị tài chính quốc tế	BADM3333	3				
21	Ngoại ngữ 2		3				

## SINH VIÊN CHUYỂN TỪ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ SANG CHẤT LƯỢNG CAO VÀ NGƯỢC LẠI

**1/ Danh mục các môn học tương đương thay thế dành cho sinh viên chuyển từ chương trình đại trà sang chương trình chất lượng cao và ngược lại.**

STT	Môn học trong chương trình chất lượng cao (từ 2020)			Môn học trong chương trình đại trà (từ 2019)			GC
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	An sinh xã hội	SWOR6301	3	An sinh xã hội	SWOR1302	3	
2	Chiến lược và chính sách giá	BADM6311	3	Chiến lược và chính sách giá	BADM2352	3	
3	Con người và môi trường	BIOT6301	3	Con người và môi trường	BIOT1341	3	
4	Đại cương văn hoá Việt Nam	VIET6301	3	Đại cương văn hoá Việt Nam	VIET1305	3	
5	Đại số tuyến tính	MATH6302	3	Đại số tuyến tính	MATH1313	3	
6	Đầu tư quốc tế	BADM6314	3	Đầu tư quốc tế	BADM2382	3	
7	Digital Marketing	BADM6307	3	Digital Marketing	BADM1393	3	
8	Giá trị sống 1	BADM6103	1	Giá trị sống 1	BADM2188	1	
9	Giá trị sống 2	BADM6104	1	Giá trị sống 2	BADM1198	1	
10	Giải tích	MATH6301	3	Giải tích	MATH1314	3	
11	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS6302	3	Giao tiếp liên văn hóa	SEAS2333	3	
12	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM6301	3	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1368	3	
13	Giới và phát triển	SWOR6303	3	Giới và phát triển	SWOR2336	3	
14	Hành vi tổ chức	BADM6304	3	Hành vi tổ chức	BADM1370	3	
15	Hệ thống quản lý doanh nghiệp	BADM6315	3	Hệ thống quản lý doanh nghiệp	BADM2359	3	



STT	Môn học trong chương trình chất lượng cao (từ 2020)			Môn học trong chương trình đại trà (từ 2019)			GC
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
16	Hóa đại cương	CHEM6301	3	Hóa đại cương	CHEM1303	3	
17	Khoá luận tốt nghiệp - QTKD	BADM6601	6	Khoá luận tốt nghiệp - QTKD	BADM4699	6	
18	Khởi nghiệp	BADM6306	3	Khởi nghiệp	BADM1390	3	
19	Kinh tế học đại cương	ECON6301	3	Kinh tế học đại cương	SEAS2301	3	
20	Kinh tế Vi mô 1	ECON6302	3	Kinh tế Vi mô 1	ECON1301	3	
21	Kinh tế Vĩ mô 1	ECON6303	3	Kinh tế Vĩ mô 1	ECON1302	3	
22	Kinh tế xây dựng	CENG6301	3	Kinh tế xây dựng	CENG2319	3	
23	Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp	BADM6109	1	Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp	BADM2121	1	
24	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW6314	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW3311	3	
25	Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn	BADM6108	1	Kỹ năng ứng tuyển và trả lời phỏng vấn	BADM2120	1	
26	Logic học	ACCO6317	3	Logic học	ACCO1328	3	
27	Luật lao động	BLAW6302	3	Luật lao động	BLAW1317	3	
28	Luật thương mại quốc tế	BLAW6317	3	Luật thương mại quốc tế	BLAW2319	3	
29	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW6301	3	Lý luận Nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	
30	Nhận diện bản thân	BADM6106	1	Nhận diện bản thân	BADM2118	1	
31	Nhân học đại cương	SOCI6303	3	Nhân học đại cương	SOCI1316	3	
32	Nhập môn tin học	ITEC6301	3	Nhập môn tin học	ITEC1401	3	
33	Pháp luật đại cương	GLAW6301	3	Pháp luật đại cương	GLAW1315	3	
34	Phát triển cộng đồng	SWOR6302	3	Phát triển cộng đồng	SWOR2320	3	
35	Phát triển sản phẩm mới	BADM6308	3	Phát triển sản phẩm mới	BADM2331	3	



STT	Môn học trong chương trình chất lượng cao (từ 2020)			Môn học trong chương trình đại trà (từ 2019)			GC
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
36	Phương pháp nghiên cứu khoa học	EDUC6302	3	Chọn 1 môn học trong phần kiến thức đại cương, bổ trợ, không trùng với các môn đã học.		3	
37	Quản trị bản thân	BADM6101	1	Quản trị bản thân	BADM1186	1	
38	Quản trị kênh phân phối	BADM6310	3	Quản trị kênh phân phối	BADM2350	3	
39	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM6309	3	Quản trị quan hệ khách hàng	BADM2351	3	
40	Quản trị sự nghiệp	BADM6110	1	Quản trị sự nghiệp	BADM2122	1	
41	Quản trị vận hành	BADM6305	3	Quản trị vận hành	BADM1392	3	
42	Tài chính cá nhân	FINA6313	3	Tài chính cá nhân	FINA1330	3	
43	Tài chính quốc tế	FINA6316	3	Tài chính quốc tế	FINA2335	3	
44	Tâm lý học đại cương	SOCI6302	3	Tâm lý học đại cương	SOCI1317	3	
45	Thanh toán quốc tế	FINA6303	3	Thanh toán quốc tế	FINA2343	3	
46	Thống kê ứng dụng	BADM6302	3	Thống kê ứng dụng	BADM1377	3	
47	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	BADM6105	1	Thông minh cảm xúc và tư duy tích cực	BADM2117	1	
48	Thực tập 1	BADM6316	3	Thực tập 1	BADM2601	3	
49	Thực tập 2 - QTKD	BADM6401	4	Thực tập 2 - QTKD	BADM4899	4	
50	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA6314	3	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA2331	3	
51	Thương mại điện tử	BADM6303	3	Thương mại điện tử	BADM1373	3	
52	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	GENG5301	3	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	GENG1349	3	
53	Tin học đại cương	COMP6301	3	Tin học đại cương	COMP1307	3	



STT	Môn học trong chương trình chất lượng cao (từ 2020)			Môn học trong chương trình đại trà (từ 2019)			GC
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
54	Tin học ứng dụng	COMP6302	3	Tin học ứng dụng	COMP2403	3	
55	Tổ chức sự kiện và tài trợ	BADM6312	3	Tổ chức sự kiện và tài trợ	BADM2355	3	
56	Tư duy phản biện	BLAW6303	3	Tư duy phản biện	BLAW1309	3	
57	Tư duy phản biện và sáng tạo	BADM6102	1	Tư duy phản biện và sáng tạo	BADM1197	1	
58	Vận tải và bảo hiểm	BADM6313	3	Vận tải và bảo hiểm	BADM2348	3	
59	Xã hội học đại cương	SOCI6301	3	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	
60	Xác định mục tiêu	BADM6107	1	Xác định mục tiêu	BADM2119	1	
61	Xác suất và thống kê	MATH6303	3	Xác suất và thống kê	MATH1315	3	
STT	Các môn học chỉ được chuyển đổi tương đương từ chương trình Chất lượng cao sang chương trình Đại trà (từ 2020)						GC
	Tên môn học ( học bằng tiếng Anh)	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
1	Hành vi khách hàng*	BADM5317	3	Hành vi khách hàng	BADM1391	3	
2	Kinh doanh quốc tế*	BADM5329	3	Kinh doanh quốc tế	BADM1385	3	
3	Marketing căn bản*	BADM5335	3	Marketing căn bản	BADM1372	3	
4	Marketing quốc tế*	BADM5320	3	Marketing quốc tế	BADM2383	3	
5	Nghiên cứu marketing*	BADM5318	3	Nghiên cứu marketing	BADM2335	3	
6	Nguyên lý kế toán*	ACCO5301	3	Nguyên lý kế toán	ACCO1325	3	
7	Phân tích định lượng trong QT*	BADM5309	3	Phân tích định lượng trong QT	BADM1365	3	
8	Quan hệ công chúng*	BADM5323	3	Quan hệ công chúng	BADM1369	3	



STT	Môn học trong chương trình chất lượng cao (từ 2020)			Môn học trong chương trình đại trà (từ 2019)			GC
	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ	
9	Quản trị bán hàng*	BADM5314	3	Quản trị bán hàng	BADM1389	3	
10	Quản trị chiến lược*	BADM5306	3	Quản trị chiến lược	BADM1380	3	
11	Quản trị chuỗi cung ứng*	BADM5311	3	Quản trị chuỗi cung ứng	BADM1387	3	
12	Quản trị dự án*	BADM5312	3	Quản trị dự án	BADM1379	3	
13	Quản trị học*	BADM5301	3	Quản trị học	BADM1364	3	
14	Quản trị kinh doanh quốc tế*	BADM5330	3	Quản trị kinh doanh quốc tế	BADM2346	3	
15	Quản trị Marketing*	BADM5305	3	Quản trị Marketing	BADM1367	3	
16	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế*	BADM5331	3	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế	BADM2347	3	
17	Quản trị nhân lực*	BADM5304	3	Quản trị nhân lực	BADM1366	3	
18	Quản trị tài chính*	FINA5324	3	Quản trị tài chính	FINA1328	3	
19	Quản trị thương hiệu*	BADM5310	3	Quản trị thương hiệu	BADM2384	3	
20	Quản trị xuất nhập khẩu*	BADM5332	3	Quản trị xuất nhập khẩu	BADM2381	3	
21	Quảng cáo*	BADM5321	3	Quảng cáo	BADM2353	3	
22	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*	BADM5307	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	BADM2327	3	
23	Truyền thông Marketing TH*	BADM5319	3	Truyền thông Marketing TH	BADM1394	3	

Lưu ý: Môn học có dấu \* là môn giảng dạy bằng tiếng Anh

## 2/ Điều kiện sinh viên chuyển từ chương trình Đại trà qua Chất lượng cao hoặc ngược lại:

- Sinh viên được chuyển đến chương trình chất lượng cao (hoặc đại trà) trong cùng đợt xét tuyển của chương trình sinh viên đang theo



học. Điểm xét tuyển của sinh viên phải bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển cùng một tổ hợp trong cùng đợt của chương trình chất lượng cao (hoặc đại trà).

- Theo quy chế học vụ hiện hành của từng chương trình
- Được sự chấp thuận của phòng Quản lý Đào tạo và phê duyệt của Ban Giám Hiệu.

**3/ Điều kiện bảo vệ khóa luận:**

- Sinh viên chỉ được đăng ký Bảo vệ khóa luận khi học đúng khóa hoặc học vượt.
- Đã tích lũy đủ các môn học trong chương trình (không tính 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp) và được phép nợ 5% tổng số tín chỉ (tối đa 02 môn học).
- Có điểm trung bình tích lũy đạt từ 3.0 điểm (theo thang điểm 4).
- Điểm thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3.5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.